

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/13 /CPC-TCHC
V/v đính chính thông tin trên báo cáo tài chính
bán niên (sau soát xét) năm 2021

Cẩm Phả, ngày 27 tháng 10 năm 2021

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV xin đính chính thông tin trên báo cáo tài chính sau soát xét 06 tháng năm 2021.

Lý do đính chính: Do công ty thay đổi người phụ trách kế toán (từ ông Ngô Trường Giang sang bà Nhữ Thị Thu).

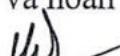
- Báo cáo tài chính đã phát hành do Ông Ngô Trường Giang Phụ trách Kế toán ký báo cáo.

- Báo cáo tài chính (đính chính) phát hành lại do bà Nhữ Thị Thu Phụ trách kế toán ký báo cáo.

- Công ty không thay đổi các số liệu so với báo cáo tài chính đã phát hành.

Nay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV xin đăng lại báo cáo tài chính bán niên (sau soát xét) năm 2021.

Thông tin này được đăng tải vào ngày 27/10/2021 trên trang điện tử của Công ty tại đường dẫn www.nhietdiencampha.com.vn


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TK.



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Trung Thực

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021
và kết thúc vào ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 5 |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 6 - 7 |
| 3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét | |
| - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 8 - 9 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 10 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 11 |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ | 12 - 42 |



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04 tháng 11 năm 2002, và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về tên Công ty, ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 09 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

| Cổ đông | Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ) | Vốn thực góp tại ngày 30/06/2021 (VND) |
|--|--|--|
| - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 97,58% | 1.922.091.069.334 |
| - Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam | 0,46% | 9.153.153.548 |
| - Cộng đồng thể nhân | 2,84% | 38.562.000.000 |
| Cộng | 100% | 1.969.806.222.882 |

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| Họ và tên: | Chức vụ: |
|-------------------------|----------|
| - Ông Bùi Minh Tân | Chủ tịch |
| - Ông Trần Văn Hoan | Ủy viên |
| - Ông Ngô Minh Thắng | Ủy viên |
| - Bà Lưu Thị Minh Thanh | Ủy viên |

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Ban Giám đốc:

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Trung Thực | Giám đốc |
| - Ông Vũ Đức Quảng | Phó giám đốc |
| - Ông Trần Văn Hoan | Phó giám đốc |
| - Ông Dương Hồng Hải | Phó giám đốc |
| - Ông Vương Đình Đề | Phó giám đốc |

Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|-----------------|
| - Bà Trần Thị Kim Chi | Trưởng ban |
| - Bà Đặng Thị Bảo Thái | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Văn Đức | Thành viên |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính bắt đầu và kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021


THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Trung Thực
Giám đốc

Số: 30 /2021/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được lập ngày 27/10/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 được trình bày từ trang 8 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.4 - Thông tin về hoạt động liên tục trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, trong đó thuyết minh rằng, Công ty đã phát sinh lỗ sau thuế TNDN với số tiền là 12.606.583.353 đồng cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.669.492.128.885 đồng dẫn tới việc vốn chủ sở hữu của Công ty bị sụt giảm còn 300.314.093.997 đồng (tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1.969.806.222.882 đồng). Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.715.467.915.259 đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV này được phát hành để thay thế cho Báo cáo soát xét số 17/2021/BCSX-PKF.VPC ngày 12/08/2021 về báo cáo tài chính giữa niên độ cho cùng kỳ tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV do tại ngày 27/10/2021, Công ty đã lập lại báo cáo tài chính đính kèm, thay thế cho báo cáo tài chính đã lập vào ngày 12/08/2021 (như đã trình bày trên Thuyết minh số 7.6 - Thông tin khác của Báo cáo tài chính).

Đại diện Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0449-2018-242-1

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2021 | 01/01/2021 |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.150.871.434.806 | 1.033.008.406.556 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 29.684.939.922 | 21.748.881.750 |
| Tiền | 111 | 5.1 | 29.684.939.922 | 21.748.881.750 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 993.774.415.412 | 843.944.643.164 |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | 131 | 5.2 | 965.449.650.507 | 826.512.360.601 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 17.408.577.061 | 90.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.3 | 11.399.908.988 | 17.826.003.707 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (483.721.144) | (483.721.144) |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.5 | 119.024.326.865 | 156.032.240.431 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 119.024.326.865 | 156.032.240.431 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.387.752.607 | 11.282.641.211 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9 | 8.387.752.607 | 6.366.249.435 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 4.897.636.767 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.12 | - | 18.755.009 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.470.682.338.132 | 4.742.968.357.515 |
| Tài sản cố định | 220 | | 4.220.618.100.432 | 4.448.861.400.175 |
| TSCĐ hữu hình | 221 | 5.7 | 4.220.477.148.335 | 4.448.815.948.853 |
| - Nguyên giá | 222 | | 10.228.311.473.958 | 10.190.825.112.518 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (6.007.834.325.623) | (5.742.009.163.665) |
| TSCĐ vô hình | 227 | 5.8 | 140.952.097 | 45.451.322 |
| - Nguyên giá | 228 | | 878.749.580 | 736.107.762 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (737.797.483) | (690.656.440) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 30.971.901.228 | 56.999.619.344 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.6 | 30.971.901.228 | 56.999.619.344 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 219.092.336.472 | 237.107.337.996 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 182.722.914.050 | 200.477.565.080 |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 36.369.422.422 | 36.629.772.916 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 5.621.553.772.938 | 5.775.976.764.071 |

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 5.321.239.678.941 | 5.463.056.086.721 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.866.339.350.065 | 3.816.591.942.627 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 1.943.323.604.051 | 2.177.626.909.450 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 10.478.000 | 10.478.000 |
| Thuế và khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.12 | 4.802.326.461 | - |
| Phải trả người lao động | 314 | | 6.848.791.494 | 26.355.686.591 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.13 | 51.816.190.731 | 72.895.257.268 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.14 | 1.578.304.748 | 2.510.950.005 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.10 | 1.856.973.252.979 | 1.536.197.349.712 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 986.401.601 | 995.311.601 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.454.900.328.876 | 1.646.464.144.094 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.10 | 1.454.900.328.876 | 1.646.464.144.094 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 300.314.093.997 | 312.920.677.350 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.15 | 300.314.093.997 | 312.920.677.350 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 1.969.806.222.882 | 1.969.806.222.882 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.969.806.222.882 | 1.969.806.222.882 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (1.669.492.128.885) | (1.656.885.545.532) |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (1.656.885.545.532) | (1.072.923.131.148) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (12.606.583.353) | (583.962.414.384) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 5.621.553.772.938 | 5.775.976.764.071 |

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng

Nhữ Thị Thu



Nguyễn Trung Thực

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 2.018.295.661.903 | 2.080.035.433.616 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2.018.295.661.903 | 2.080.035.433.616 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 1.911.389.487.794 | 1.955.942.829.474 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 106.906.174.109 | 124.092.604.142 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 101.672.623 | 113.446.930 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 107.090.305.828 | 168.773.054.107 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 106.668.190.590 | 149.319.625.044 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.7 | 19.317.442.388 | 18.500.087.345 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (19.399.901.484) | (63.067.090.380) |
| Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 7.613.688.385 | 333.051.698 |
| Chi phí khác | 32 | 6.6 | 820.370.254 | 668.808.556 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 6.793.318.131 | (335.756.858) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (12.606.583.353) | (63.402.847.238) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.9 | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | (12.606.583.353) | (63.402.847.238) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 71 | 6.10 | (64) | (322) |

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hoàng



Nhữ Thị Thu



Nguyễn Trung Thực

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (12.606.583.353) | (63.402.847.238) |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 265.872.303.001 | 260.983.319.268 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | - | 1.707.184 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | 1.309.861.364 |
| Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (101.672.554) | (113.446.930) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 106.668.190.590 | 149.319.625.044 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 359.832.237.684 | 348.098.218.692 |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | | (144.913.380.472) | 214.178.479.741 |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | | 37.268.264.060 | (2.839.775.276) |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (268.352.865.778) | 22.520.901.877 |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | | 20.644.264.362 | 12.563.391.018 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (110.780.296.990) | (219.210.345.559) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 2.772.470.000 | 4.651.000.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.781.380.000) | (4.970.130.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (106.310.687.134) | 374.991.740.493 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác | 21 | | (15.067.015.297) | (6.633.226.106) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 101.672.554 | 113.446.930 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (14.965.342.743) | (6.519.779.176) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.1 | 2.060.563.914.596 | 1.642.000.000.000 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 7.1 | (1.931.351.826.547) | (2.006.483.079.923) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 129.212.088.049 | (364.483.079.923) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 21.748.881.750 | 55.704.426.314 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 6.922 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 29.684.939.922 | 59.693.314.630 |

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hoàng

Nhữ Thị Thu



Nguyễn Trung Thực

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04 tháng 11 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 09 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được đổi tên thành Công ty ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 06 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 30/06/2021, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 412 người, trong đó số cán bộ quản lý là 5 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ("Tập đoàn") được thực hiện theo Công văn số 3076/TKV-KTTC ngày 08/07/2021 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.920 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.120 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.120 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Theo hướng dẫn tại Văn bản số 7240/MPCP-KTTH ngày 12/7/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý chênh lệch tỷ giá của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả thì "Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được phân bổ vào chi phí ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ đến hạn trả, số còn lại được theo dõi và phân bổ không quá 5 năm”.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá Nhập trước xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT - BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

14064
CÔNG TY
NHIỆM H
PKB
T N
QUẢN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc: | 10 - 40 năm |
| - Máy móc, trang thiết bị: | 10 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải: | 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng: | 05 - 08 năm |
| - Tài sản cố định khác: | 04 năm |

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- | | |
|---------------------------------|--------|
| - Phần mềm: | 03 năm |
| - Tài sản cố định vô hình khác: | 03 năm |

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ tài chính này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ tài chính trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

sản xuất, kinh doanh của kỳ tài chính đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ tài chính này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ tài chính trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ tài chính đó.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 1.969.806.222.882 đồng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21 tháng 06 năm 2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 ngày 02 tháng 04 năm 2020 ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện và các dịch vụ khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư: Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Tuy nhiên theo quy định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC - Điều 23 "Trường hợp mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thấp hơn mức ưu đãi theo quy định của Thông tư này thì được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Thông tư này cho thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2009.". Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm, miễn tiếp 02 năm từ năm 2012, giảm 50% thuế suất trong vòng 9 năm từ năm 2014.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền**

| | | <u>30/06/2021</u> (VND) | <u>01/01/2021</u> (VND) |
|---------------------------------|------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | (i) | 843.834.298 | 129.422.521 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | (ii) | 28.841.105.624 | 21.619.459.229 |
| Tiền đang chuyển | | - | - |
| Cộng | | <u>29.684.939.922</u> | <u>21.748.881.750</u> |

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2021 bao gồm:

| | <u>VND</u> |
|---------------|---------------------------|
| Đồng Việt Nam | 843.834.298 |
| Cộng | <u>843.834.298</u> |

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2021 bao gồm:

| | <u>VND</u> |
|---|------------------------------|
| Đồng Việt Nam | |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh | 155.997.410 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả | 23.659.410.602 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả | 1.013.221.634 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả | 98.620.799 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh | 3.720.827.996 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sở giao dịch | 13.152.442 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hội sở | 179.874.741 |
| Cộng | <u>28.841.105.624</u> |



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

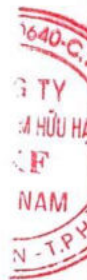
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.2 Phải thu khách hàng

| | 30/06/2021 (VND) | 01/01/2021 (VND) |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 965.449.650.507 | 826.512.360.601 |
| Công ty Mua bán điện | 962.409.828.952 | 824.151.872.982 |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 3.039.821.555 | 2.360.487.619 |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>965.449.650.507</u> | <u>826.512.360.601</u> |
| c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại phụ biểu 01 | | |

5.3 Phải thu khác

| | 30/06/2021 (VND) | | 01/01/2021 (VND) | |
|----------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 11.399.908.988 | 2.560.775 | 17.826.003.707 | 2.560.775 |
| Tạm ứng | 51.854.581 | - | - | - |
| Phí bảo hiểm cháy nổ | 11.264.240.500 | - | 9.716.431.875 | - |
| Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | - | - | 8.087.445.165 | - |
| Phải thu khác | 83.813.907 | 2.560.775 | 22.126.667 | 2.560.775 |
| b. Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | <u>11.399.908.988</u> | <u>2.560.775</u> | <u>17.826.003.707</u> | <u>2.560.775</u> |



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.4 Nợ xấu

| | 30/06/2021 (VND) | | 01/01/2021 (VND) | |
|---|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | 486.281.919 | 2.560.775 | 486.281.919 | 2.560.775 |
| - Từ 3 năm trở lên | 477.746.000 | - | 477.746.000 | - |
| <i>Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Á Châu</i> | 459.574.000 | - | 459.574.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhất Thành Phát</i> | 18.172.000 | - | 18.172.000 | - |
| - Từ 2 đến 3 năm | 8.535.919 | 2.560.775 | 8.535.919 | 2.560.775 |
| <i>Người lao động đã nghỉ việc tại Công ty</i> | 8.535.919 | 2.560.775 | 8.535.919 | 2.560.775 |
| Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn | - | - | - | - |

5.5 Hàng tồn kho

| | 30/06/2021 (VND) | | 01/01/2021 (VND) | |
|-----------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 113.059.406.565 | - | 150.169.505.631 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 290.669.300 | - | 188.483.800 | - |
| Chi phí sửa chữa gia công dở dang | 5.674.251.000 | - | 5.674.251.000 | - |
| Cộng | 119.024.326.865 | - | 156.032.240.431 | - |

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>30/06/2021</u> (VND) | <u>01/01/2021</u> (VND) |
|--|------------------------------|------------------------------|
| - Mua sắm | - | - |
| - Xây dựng cơ bản | 19.586.250.678 | 46.953.317.404 |
| <i>Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động NMNĐCP</i> | 19.328.968.638 | 19.056.567.404 |
| <i>Dự án đầu tư máy móc TBSX năm 2019 - Thiết bị cân băng tải, Thiết bị phân xạ ắc quy, kiểm tra thiết bị đo lường</i> | - | 2.514.718.000 |
| <i>Dự án đầu tư máy móc TBSX năm 2020 - Thiết bị cân than định lượng máy cấp than lò hơi</i> | - | 25.334.840.000 |
| <i>Dự án khác</i> | 257.282.040 | 47.192.000 |
| - Sửa chữa | 11.385.650.550 | 10.046.301.940 |
| <i>Lò hơi số 2</i> | 3.818.442.990 | 2.702.533.899 |
| <i>Hệ thống báo cháy, chữa cháy</i> | - | 1.777.872.966 |
| <i>Lò hơi số 1</i> | 3.154.921.151 | 3.154.921.151 |
| <i>Bơm cấp 1C</i> | 1.712.333.980 | 1.712.333.980 |
| <i>Hệ thống lọc bụi tĩnh điện tổ máy 1</i> | 1.179.130.908 | 625.359.905 |
| <i>Hệ thống khói gió lò 1,2</i> | 1.322.099.800 | - |
| <i>Khác</i> | 198.721.721 | 73.280.039 |
| Cộng | <u>30.971.901.228</u> | <u>56.999.619.344</u> |



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, trang thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | TSCĐ khác VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------|---------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.931.698.305.561 | 8.189.573.173.771 | 62.884.937.980 | 2.436.925.791 | 4.231.769.415 | 10.190.825.112.518 |
| - Mua trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | - | 37.486.361.440 | - | - | - | 37.486.361.440 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 1.931.698.305.561 | 8.227.059.535.211 | 62.884.937.980 | 2.436.925.791 | 4.231.769.415 | 10.228.311.473.958 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 581.389.332.526 | 5.098.610.270.220 | 55.401.703.988 | 2.376.087.516 | 4.231.769.415 | 5.742.009.163.665 |
| - Khấu hao trong kỳ | 25.963.262.784 | 237.172.912.381 | 2.669.347.989 | 19.638.804 | - | 265.825.161.958 |
| - Hao mòn trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 607.352.595.310 | 5.335.783.182.601 | 58.071.051.977 | 2.395.726.320 | 4.231.769.415 | 6.007.834.325.623 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 1.350.308.973.035 | 3.090.962.903.551 | 7.483.233.992 | 60.838.275 | - | 4.448.815.948.853 |
| Tại ngày cuối kỳ | 1.324.345.710.251 | 2.891.276.352.610 | 4.813.886.003 | 41.199.471 | - | 4.220.477.148.335 |
| - Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã tăng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: | | | | | | 4.153.989.026.143 |
| - Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết, đang sử dụng: | | | | | | 40.848.702.019 |
| - Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý: | | | | | | - |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm VND | TSCĐ vô hình khác VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------|-----------------------------|--------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu kỳ | 591.263.000 | 144.844.762 | 736.107.762 |
| - Mua trong kỳ | - | - | - |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | - | 142.641.818 | 142.641.818 |
| - Giảm khác | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 591.263.000 | 287.486.580 | 878.749.580 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | |
| Số dư đầu kỳ | 591.263.000 | 99.393.440 | 690.656.440 |
| - Khấu hao trong kỳ | - | 47.141.043 | 47.141.043 |
| - Tăng khác | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 591.263.000 | 146.534.483 | 737.797.483 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | 45.451.322 | 45.451.322 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | 140.952.097 | 140.952.097 |
| - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết đang sử dụng: | | | 591.263.000 |

5.9 Chi phí trả trước

| | 30/06/2021 (VND) | 01/01/2021 (VND) |
|--|------------------------|------------------------|
| a. Ngắn hạn | 8.387.752.607 | 6.366.249.435 |
| Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 6.327.679.962 | 6.240.776.105 |
| Bảo hiểm | 1.963.239.315 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 96.833.330 | 125.473.330 |
| b. Dài hạn | 182.722.914.050 | 200.477.565.080 |
| Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 24.768.909.710 | 24.766.377.113 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 37.818.350.859 | 55.153.456.560 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 3.756.493.487 | 4.178.571.413 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm (*) | 116.379.159.994 | 116.379.159.994 |
| Cộng | 191.110.666.657 | 206.843.814.515 |

(*) Khoản lỗ do đánh giá lại khoản nợ có gốc ngoại tệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (chênh lệch tỷ giá ngày 31 tháng 12 năm 2016 so với tỷ giá gốc nhận nợ gốc vay và nợ phải trả nhà thầu) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được phân bổ vào chi phí trong thời gian không quá 05 năm kể từ năm 2017 theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 3383/BTC-TCDN ngày 14/3/2017 và được Chính phủ phê duyệt tại công văn số 2965/VPCP-KTTH ngày 28/3/2017 và công văn số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/07/2017.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

| | 01/01/2021 (VND) | | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/06/2021 (VND) | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | | | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| a. Vay ngắn hạn | 1.199.071.001.885 | 1.199.071.001.885 | 2.054.647.914.596 | 1.747.246.261.329 | 1.506.472.655.152 | 1.506.472.655.152 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 256.071.001.885 | 256.071.001.885 | 403.745.541.925 | 517.246.261.329 | 142.570.282.481 | 142.570.282.481 |
| Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 943.000.000.000 | 943.000.000.000 | 1.407.000.000.000 | 1.230.000.000.000 | 1.120.000.000.000 | 1.120.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hội sở | - | - | 243.902.372.671 | - | 243.902.372.671 | 243.902.372.671 |
| b. Vay dài hạn | 1.983.590.491.921 | 1.983.590.491.921 | 5.916.000.000 | 184.105.565.218 | 1.805.400.926.703 | 1.805.400.926.703 |
| Từ 5 đến 10 năm | 1.983.590.491.921 | 1.983.590.491.921 | 5.916.000.000 | 184.105.565.218 | 1.805.400.926.703 | 1.805.400.926.703 |
| Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 1.757.144.608.692 | 1.757.144.608.692 | - | 148.588.565.218 | 1.608.556.043.474 | 1.608.556.043.474 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả | 203.337.000.000 | 203.337.000.000 | - | 33.900.000.000 | 169.437.000.000 | 169.437.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh | 12.925.083.229 | 12.925.083.229 | 5.916.000.000 | 1.617.000.000 | 17.224.083.229 | 17.224.083.229 |
| Các tổ chức khác | 10.183.800.000 | 10.183.800.000 | - | - | 10.183.800.000 | 10.183.800.000 |
| Cộng | 3.182.661.493.806 | 3.182.661.493.806 | 2.060.563.914.596 | 1.931.351.826.547 | 3.311.873.581.855 | 3.311.873.581.855 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

| | 01/01/2021 (VND) | | 30/06/2021 (VND) | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 266.742.347.827 | 266.742.347.827 | 278.936.597.827 | 278.936.597.827 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả | 67.800.000.000 | 67.800.000.000 | 67.800.000.000 | 67.800.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh | 2.584.000.000 | 2.584.000.000 | 3.764.000.000 | 3.764.000.000 |
| Cộng | 337.126.347.827 | 337.126.347.827 | 350.500.597.827 | 350.500.597.827 |
| d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính | | | | |
| d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c) | 1.536.197.349.712 | 1.536.197.349.712 | 1.856.973.252.979 | 1.856.973.252.979 |
| d2 Vay dài hạn (d2 = b-c) | 1.646.464.144.094 | 1.646.464.144.094 | 1.454.900.328.876 | 1.454.900.328.876 |
| Cộng | 3.182.661.493.806 | 3.182.661.493.806 | 3.311.873.581.855 | 3.311.873.581.855 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.11 Phải trả người bán

| | 30/06/2021 (VND) | | 01/01/2021 (VND) | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 1.943.323.604.051 | 1.943.323.604.051 | 2.177.626.909.450 | 2.177.626.909.450 |
| Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 1.772.282.092.621 | 1.772.282.092.621 | 2.009.903.473.307 | 2.009.903.473.307 |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 171.041.511.430 | 171.041.511.430 | 167.723.436.143 | 167.723.436.143 |
| b. Các khoản phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 1.943.323.604.051 | 1.943.323.604.051 | 2.177.626.909.450 | 2.177.626.909.450 |
| c. Phải trả các bên liên quan chi tiết ở phụ biểu 01 | | | | |

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2021 (VND) | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | 30/06/2021 (VND) |
|-----------------------|---------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| a. Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 36.787.712.750 | 32.131.025.826 | 4.656.686.924 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 1.402.659.905 | 1.257.020.368 | 145.639.537 |
| Thuế nhà đất | - | 1.038.466.937 | 1.038.466.937 | - |
| Các loại thuế khác | - | 178.814.658 | 178.814.658 | - |
| Cộng | - | 39.407.654.250 | 34.605.327.789 | 4.802.326.461 |
| b. Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 18.755.009 | 18.755.009 | - | - |
| Cộng | 18.755.009 | 18.755.009 | - | - |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.13 Chi phí phải trả

| | 30/06/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| a. Ngắn hạn | 51.816.190.731 | 72.895.257.268 |
| Chi phí lãi vay | 24.308.595.830 | 28.420.702.230 |
| Chi phí điện mua của EVN | 63.214.592 | 1.388.395.936 |
| Lãi chậm trả tiền than | 24.619.748.715 | 34.619.748.715 |
| Chi phí sửa chữa bảo dưỡng | 234.866.122 | 2.269.057.750 |
| Các khoản chi phí phải trả khác | 2.589.765.472 | 6.197.352.637 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 51.816.190.731 | 72.895.257.268 |

5.14 Phải trả khác

| | 30/06/2021 | 01/01/2021 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| a. Ngắn hạn | 1.578.304.748 | 2.510.950.005 |
| Kinh phí công đoàn | 319.146.737 | 150.132.357 |
| Quỹ hỗ trợ người lao động đóng | 728.304.681 | 569.793.104 |
| Quỹ hỗ trợ xã hội hóa | 521.463 | 111.521.463 |
| Đảm bảo thực hiện hợp đồng | 261.400.000 | 464.400.000 |
| Công ty bảo hiểm sự cố cháy năm 2016 | - | 849.138.909 |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 268.931.867 | 365.964.172 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 1.578.304.748 | 2.510.950.005 |

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ SH | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|--|--------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 1.969.806.222.882 | - | - | (1.072.923.131.148) | 896.883.091.734 |
| - Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Giảm vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| - Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | (583.962.414.384) | (583.962.414.384) |
| Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này | 1.969.806.222.882 | - | - | (1.656.885.545.532) | 312.920.677.350 |
| - Tăng vốn trong kỳ này | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong kỳ này | - | - | - | - | - |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Giảm vốn trong kỳ này | - | - | - | - | - |
| - Lỗ trong kỳ này | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | (12.606.583.353) | (12.606.583.353) |
| Số dư cuối kỳ | 1.969.806.222.882 | - | - | (1.669.492.128.885) | 300.314.093.997 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>30/06/2021</u> (VND) | <u>01/01/2021</u> (VND) |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Vốn góp của Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP | 1.922.091.069.334 | 1.922.091.069.334 |
| Vốn góp của đối tượng khác | 47.715.153.548 | 47.715.153.548 |
| Cộng | <u>1.969.806.222.882</u> | <u>1.969.806.222.882</u> |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u> (VND) | <u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND) |
|----------------------------------|--|--|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu kỳ | 1.969.806.222.882 | 1.969.806.222.882 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 1.969.806.222.882 | 1.969.806.222.882 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

Cổ phiếu

| | <u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u> (VND) | <u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND) |
|---|--|--|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 196.980.622 | 196.980.622 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 196.980.622 | 196.980.622 |
| Cổ phiếu phổ thông | 196.980.622 | 196.980.622 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 196.980.622 | 196.980.622 |
| Cổ phiếu phổ thông | 196.980.622 | 196.980.622 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 VND/Cổ phiếu | |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|--------------------|--|--|
| Doanh thu bán điện | 2.015.918.679.306 | 2.078.492.893.546 |
| Doanh thu khác | 2.376.982.597 | 1.542.540.070 |
| Cộng | 2.018.295.661.903 | 2.080.035.433.616 |

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|---------------------------|--|--|
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 1.910.876.146.096 | 1.955.932.997.204 |
| Giá vốn khác | 513.341.698 | 9.832.270 |
| Cộng | 1.911.389.487.794 | 1.955.942.829.474 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|------------------------------------|--|--|
| Lãi tiền gửi | 101.672.554 | 113.446.930 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 69 | - |
| Cộng | 101.672.623 | 113.446.930 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|-----------------------------------|--|--|
| Chi phí lãi vay | 106.668.190.590 | 149.319.625.044 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 37.312 | 1.309.861.364 |
| Lãi chậm trả tiền than | - | 12.730.365.276 |
| Chi phí tài chính khác | 422.077.926 | 5.413.202.423 |
| Cộng | 107.090.305.828 | 168.773.054.107 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.5 Thu nhập khác

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|-------------------------------------|--|--|
| Thu từ bồi thường thiệt hại tài sản | 7.268.031.177 | - |
| Các khoản khác | 345.657.208 | 333.051.698 |
| Cộng | 7.613.688.385 | 333.051.698 |

6.6 Chi phí khác

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|------------------------|--|--|
| Các khoản chi phí khác | 820.370.254 | 668.808.556 |
| Cộng | 820.370.254 | 668.808.556 |

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|---|--|--|
| a. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19.317.442.388 | 18.500.087.345 |
| Chi phí nhân viên | 7.662.792.913 | 6.533.697.522 |
| Các khoản khác | 11.654.649.475 | 11.966.389.823 |
| b. Chi phí bán hàng | - | - |
| c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp | - | - |
| Cộng | 19.317.442.388 | 18.500.087.345 |

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|-------------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.568.176.334.934 | 1.605.346.193.799 |
| Chi phí nhân công | 37.377.510.431 | 35.303.371.528 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 265.150.435.546 | 260.314.510.712 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 51.778.680.758 | 65.872.999.835 |
| Chi phí khác bằng tiền | 7.710.626.815 | 7.596.008.675 |
| Cộng | 1.930.193.588.484 | 1.974.433.084.549 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|---|--|--|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | | |
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (12.606.583.353) | (63.402.847.238) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | | |
| Tổng thu nhập chịu thuế | (12.606.583.353) | (63.402.847.238) |
| Chuyển lỗ năm trước | (1.656.885.545.532) | (1.072.923.131.148) |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế TNDN | 5% | 5% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | - |
| Cộng | - | - |

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | (12.606.583.353) | (63.402.847.238) |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông. | | |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông. | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 196.980.622 | 196.980.622 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (64) | (322) |

6.11 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | ĐVT: VND | | |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| | <u>Dưới 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng cộng</u> |
| Ngày 30/06/2021 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 29.684.939.922 | - | 29.684.939.922 |
| Phải thu khách hàng | 965.449.650.507 | - | 965.449.650.507 |
| Phải thu khác | 11.348.054.407 | - | 11.348.054.407 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (483.721.144) | - | (483.721.144) |
| Tổng cộng | 1.005.998.923.692 | - | 1.005.998.923.692 |
| Ngày 30/06/2021 | | | |
| Các khoản vay và nợ | 1.856.973.252.979 | 1.454.900.328.876 | 3.311.873.581.855 |
| Phải trả người bán | 1.943.323.604.051 | - | 1.943.323.604.051 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 53.394.495.479 | - | 53.394.495.479 |
| Tổng cộng | 3.853.691.352.509 | 1.454.900.328.876 | 5.308.591.681.385 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (2.847.692.428.817) | (1.454.900.328.876) | (4.302.592.757.693) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

| <u>Ngày 01/01/2021</u> | <u>Dưới 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 21.748.881.750 | - | 21.748.881.750 |
| Phải thu khách hàng | 826.512.360.601 | - | 826.512.360.601 |
| Phải thu khác | 17.826.003.707 | - | 17.826.003.707 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (483.721.144) | - | (483.721.144) |
| Tổng cộng | 865.603.524.914 | - | 865.603.524.914 |
| Ngày 01/01/2021 | | | |
| Các khoản vay và nợ | 1.536.197.349.712 | 1.646.464.144.094 | 3.182.661.493.806 |
| Phải trả người bán | 2.177.626.909.450 | - | 2.177.626.909.450 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 75.406.207.273 | - | 75.406.207.273 |
| Tổng cộng | 3.789.230.466.435 | 1.646.464.144.094 | 5.435.694.610.529 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (2.923.626.941.521) | (1.646.464.144.094) | (4.570.091.085.615) |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | <u>30/06/2021</u> | <u>01/01/2021</u> | <u>30/06/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - | - |
| Các khoản cho vay và phải thu | 976.797.704.914 | 844.338.364.308 | 976.313.983.770 | 843.854.640.164 |
| <i>Phải thu khách hàng</i> | <i>965.449.650.507</i> | <i>826.512.360.601</i> | <i>964.968.490.138</i> | <i>826.031.197.232</i> |
| <i>Các khoản PT khác</i> | <i>11.348.054.407</i> | <i>17.826.003.707</i> | <i>11.345.493.632</i> | <i>17.633.389.532</i> |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 29.684.939.922 | 21.748.881.750 | 29.684.939.922 | 21.748.881.750 |
| <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <i>29.684.939.922</i> | <i>21.748.881.750</i> | <i>29.684.939.922</i> | <i>21.748.881.750</i> |
| Tổng cộng | 1.006.482.644.836 | 866.087.246.058 | 1.005.998.923.692 | 865.603.521.914 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 3.311.873.581.855 | 3.182.661.493.806 | 3.311.873.581.855 | 3.182.661.493.806 |
| Phải trả người bán | 1.943.323.604.051 | 2.177.626.909.450 | 1.943.323.604.051 | 2.177.626.909.450 |
| Phải trả khác | 53.394.495.479 | 75.406.207.273 | 53.394.495.479 | 75.406.207.273 |
| Tổng cộng | 5.308.591.681.385 | 5.435.694.610.529 | 5.308.591.681.385 | 5.435.694.610.529 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.12 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Số tiền thực thu, thực trả trong năm

| | |
|--|------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 2.060.563.914.596 đồng |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 1.931.851.826.547 đồng |

7.2 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP; các đơn vị trong nội bộ Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP; Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 30/06/2021 và giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- 0 Biểu số 01: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;
- 0 Biểu số 02: Tổng hợp mua, bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan.

Thu nhập trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của các thành viên của Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc:

| | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND) |
|--|--|--|
| - Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Giám đốc, kế toán trưởng | 639.909.600 | 716.350.000 |
| - Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị | 135.360.000 | 134.760.000 |
| - Thù lao và thưởng của Ban kiểm soát | 77.160.000 | 74.280.000 |
| Tổng cộng | 852.429.600 | 925.390.000 |

7.3 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021. Công ty đã phát sinh lỗ sau thuế TNDN với số tiền là 12.606.583.353 đồng cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.669.492.128.885 đồng dẫn tới việc vốn chủ sở hữu của Công ty bị sụt giảm còn 300.314.093.997 đồng (tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1.969.806.222.882 đồng). Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.715.467.915.259 đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, trong tổng nợ ngắn hạn thì phần nợ Tập đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP là 2.940.997.122.189 đồng (chiếm 76,07% trong tổng nợ ngắn hạn), do vậy trong thời gian tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào việc hỗ trợ tài chính từ Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP cũng như Tập đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2021, Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP đã làm việc với TPBank để vay vốn cho Công ty, theo đó TP Bank và Công ty đã ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 15/2021/HDTD/TTKHDNL MB2/01 ngày 26/05/2021 với hạn mức tín dụng 1.000 tỷ đồng, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng.

Theo đó, báo cáo tài chính này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

7.6 Thông tin khác

Báo cáo tài chính này thay thế cho Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 đã phát hành vào ngày 12/08/2021, do Công ty thay đổi người ký Phụ trách kế toán. Công ty không thay đổi các số liệu so với Báo cáo tài chính đã phát hành ngày 12/08/2021.

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng

Nhữ Thị Thu



Nguyễn Trung Thực

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Ngày 30 tháng 06 năm 2021

| Stt | Tên đơn vị | Các khoản công nợ | | | | | |
|----------|---|--------------------------|---------|-----------------------|---------|--------------------------|--------------------------|
| | | 331 | | 335 | | 341 | |
| | | Ngắn hạn | Dài hạn | Ngắn hạn | Dài hạn | Ngắn hạn | Dài hạn |
| A | B | 3 | 4 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| A | CÁC KHOẢN PHẢI THU | - | - | - | - | - | - |
| B | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ | 1.825.161.304.294 | - | 48.715.029.568 | - | 1.120.000.000.000 | 1.608.556.043.474 |
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | - | - | 1.469.480.659 | - | - | - |
| 2 | Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 1.772.282.092.621 | - | 47.245.548.909 | - | 1.120.000.000.000 | 1.608.556.043.474 |
| 3 | Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomin | 521.094.182 | - | - | - | - | - |
| 4 | Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả | 46.494.768.657 | - | - | - | - | - |
| 5 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 23.089.242 | - | - | - | - | - |
| 6 | Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin - CN Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 8.720.000 | - | - | - | - | - |
| 7 | Công ty CP Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin | 173.108.087 | - | - | - | - | - |
| 8 | Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin | 89.789.402 | - | - | - | - | - |
| 9 | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV | 47.520.000 | - | - | - | - | - |
| 10 | Công ty CP Vật tư - TKV - Chi nhánh Hà Nội | 1.075.769.200 | - | - | - | - | - |
| 11 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin | 4.032.631.913 | - | - | - | - | - |
| 12 | Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin | 2.893.990 | - | - | - | - | - |
| 13 | Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp vận tải, xếp dỡ | 409.827.000 | - | - | - | - | - |
| | Tổng cộng | 1.825.161.304.294 | - | 48.715.029.568 | - | 1.120.000.000.000 | 1.608.556.043.474 |

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Hoàng

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nhữ Thị Thu



Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Thực

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TỔNG HỢP MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

| TT | Tên đơn vị | Giá trị mua trong kỳ | Giá trị bán trong kỳ |
|----|--|--------------------------|----------------------|
| A | B | 1 | 2 |
| 1 | Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP | 1.441.620.481.008 | - |
| | Mua than | 1.441.620.481.008 | - |
| 2 | Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin | 28.181.818 | - |
| | Dịch vụ | 28.181.818 | - |
| 3 | Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả | 29.522.269.399 | 717.596 |
| | Mua dầu DO, dầu nhớt, mỡ máy | 29.163.013.599 | - |
| | Bảo hộ lao động | 359.255.800 | - |
| | Điện năng | - | 717.596 |
| 4 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin | 2.437.437.012 | - |
| | Mua thiết bị | 2.437.437.012 | - |
| 5 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 96.788.000 | 61.434.668 |
| | Dịch vụ xử lý chất thải nguy hại | 96.788.000 | - |
| | Dầu thải, bao bì, ắc quy sau xử lý | - | 61.434.668 |
| 6 | Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomin | 224.006.798 | - |
| | Mua thiết bị | 31.129.050 | - |
| | Dịch vụ sửa chữa | 192.877.748 | - |
| 7 | Công ty CP Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin | 1.346.146.750 | - |
| | Dịch vụ trợ sĩ | 1.346.146.750 | - |
| 8 | Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin | 8.720.000 | - |
| | Dịch vụ đào tạo | 8.720.000 | - |
| 9 | Công ty CP Vật tư - TKV - CN Hà Nội | 977.972.000 | - |
| | Mua vật tư | 977.972.000 | - |
| 10 | Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh | 365.460.000 | - |
| | Mua hóa chất | 365.460.000 | - |
| 11 | Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin | 280.744.911 | - |
| | Dịch vụ quan trắc | 280.744.911 | - |
| 12 | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV | 43.200.000 | - |
| | Dịch vụ thuê thiết bị | 43.200.000 | - |
| 13 | CN Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp vận tải, xếp dỡ | 372.570.000 | - |
| | Bảo hộ lao động | 372.570.000 | - |
| | Tổng cộng | 1.477.323.977.696 | 62.152.264 |

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hoàng



Nhữ Thị Thu



Nguyễn Trung Thực



BÁO CÁO

**V/v giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2021
chênh lệch trên 10% so với 6 tháng năm 2020**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, mã chứng khoán: NCP, trụ sở chính: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, xin được giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Số chênh lệch lợi nhuận:

| 6 tháng năm 2021 | 6 tháng năm 2020 | Chênh lệch | Ghi chú |
|------------------|------------------|----------------|---------|
| 1 | 2 | 3=1-2 | |
| (12.606.583.353) | (63.402.847.238) | 50.796.263.885 | |

Lý do chênh lệch lợi nhuận sau thuế:

Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí tài chính 6 tháng năm 2021 thấp hơn 6 tháng năm 2020 (do lãi vay dài hạn giảm và trong kỳ không phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Như: Kính gửi;
- Lưu: VT, KTTC, TK.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Thực